

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **121/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-11- 2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Oanh và ông Lương Công Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 407/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2022/QĐXX-ST ngày 31/10/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn P, xã H, Thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Võ Thành D, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số X đường T, Phường X, Tp. T, Phú Yên. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Nguyên đơn Lê Thị Mỹ H trình bày: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Võ Thành D kết hôn năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng có 01 con chung tên Võ Lê C, sinh năm 2016.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn, anh D không lo làm ăn, chăm sóc vợ con và gia đình, hay tụ tập bạn bè, nhậu nhẹt, say xỉn, có khi đánh chị, chị sống trong tâm trạng lo sợ. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần, vì cuộc sống gia đình và con nên chị H cố gắng chịu đựng để có gia đình trọn vẹn. Hiện nay, quan hệ vợ chồng rạn nứt, vợ chồng không còn tình cảm giành cho nhau, cuộc sống hôn nhân lâm vào bế tắc và thật sự không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Võ Lê C, sinh ngày 26/5/2016. Từ năm 2021, chị cũng đã đưa con về nhà cha mẹ ruột chị ở H, thị xã Đ, Phú Yên ở. Hiện nay, cháu C đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Võ Thành D trình bày: Anh D kết hôn với chị H năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng có 01 con chung tên Võ Lê C, sinh năm 2016. Tuy nhiên trong cuộc sống, vợ chồng không cùng quan điểm sống, thời gian đi làm lệch nhau nên không có nhiều thời gian nói chuyện, gặp gỡ và chia sẻ với nhau công việc gia đình và chăm sóc các con, thừa nhận cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thật sự không hiểu nhau qua thời gian sống chung. Nay chị H xin ly hôn, anh cũng chấp thuận để giải thoát cho cả hai bên, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Võ Lê C, sinh năm 2016. Hiện nay, cháu C đang ở với mẹ, do mẹ là chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Khi ly hôn, anh D đồng ý giao cháu C cho mẹ là chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, hiện nay anh D không có khả năng chu cấp nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc tham gia tố tụng tại Tòa án: Anh D trình bày đã có lời khai đầy đủ, không trình bày gì thêm, yêu cầu vắng mặt các buổi làm việc, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn Danh, yêu cầu được nuôi con chung Võ Lê C, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao cháu Võ Lê C, sinh năm 2016 cho nguyên đơn H chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Lê Thị Mỹ H yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Võ Thành D có địa chỉ tại số 17 Trần Hưng Đạo, Phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lê Thị Mỹ H và bị đơn Võ Thành D tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND Phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2015 ngày 08/01/2015, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bị đơn thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, có lúc đánh chửi, cuộc sống vợ chồng không được hàn gắn, không ai quan tâm, chia sẻ cuộc sống gia đình với nhau, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Bị đơn trình bày do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thời gian đi làm lệch nhau nên không có nhiều thời gian nói chuyện, gặp gỡ và chia sẻ với nhau công việc gia đình và chăm sóc các con, vợ chồng thật sự không hiểu nhau trong suốt quá trình chung sống. Nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn cũng chấp nhận. Xét các bên đương sự không còn tình thương và trách nhiệm của vợ chồng giành cho nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[5] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Võ Lê C, sinh ngày 26/5/2016. Hiện nay cháu C đang do nguyên đơn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bị đơn đồng ý để nguyên đơn nuôi con. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu C, Hội đồng xét xử xét giao cháu C cho nguyên đơn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[6] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn H không yêu cầu bị đơn D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét việc không yêu cầu là tự nguyện nên HĐXX không xét.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Mỹ H được ly hôn với bị đơn Võ Thành D.

2. *Về con chung*: Giao con chung Võ Lê C, sinh ngày 26/5/2016 cho nguyên đơn Lê Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn Võ Thành D không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về án phí HNGĐ-ST*: Nguyên đơn Lê Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0007577 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn H đã nộp đủ.

4. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND Phường X (số 01/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên

